

Số: **10100/BTC-QLCS**

Hà Nội, ngày **23** tháng 9 năm 2024

V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; trong đó, quy định cụ thể về tiêu chuẩn và phân loại tài sản cố định; nguyên tắc quản lý tài sản cố định; xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định; phạm vi tài sản cố định và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định; thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định; quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Để có cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 và kiến nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính theo Đề cương chi tiết (đính kèm).

Báo cáo (nêu trên) của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 08 tháng 10 năm 2024**.

Mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, QLCS (30b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

(Kèm theo Công văn số 10100 /BTC-QLCS ngày 23/9/2024 của Bộ Tài chính)

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Về công tác tổ chức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC:

- Đã tổ chức
- Chưa tổ chức

Trường hợp đã tổ chức thì đánh dấu “X” vào ô “Đã tổ chức” và nêu rõ hình thức, đối tượng, phạm vi phổ biến, tập huấn, tuyên truyền.

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa tổ chức”.

2. Về ban hành các văn bản theo thẩm quyền được giao

2.1. Về việc ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thống nhất quản lý (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành
- Không ban hành

Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành.

Trường hợp Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có tài sản cố định đặc thù nhưng chưa ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa ban hành”.

Trường hợp Bộ, cơ quan trung ương, địa phương không có tài sản cố định đặc thù thì đánh dấu “X” vào ô “Không ban hành”.

2.2. Về việc ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (quy định tại khoản 2 Điều 13)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành

Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành.

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa ban hành”.

2.3. Về quy định cụ thể thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định (trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC) (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành
- Không ban hành

Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành.

Trường hợp có tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC nhưng chưa ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa ban hành”.

Trường hợp không có tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC thì đánh dấu “X” vào ô “Không ban hành”.

II. Về đánh giá nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Báo cáo đánh giá theo Mẫu số 01 kèm theo Đề cương này.

III. Những khó khăn, vướng mắc

Đề nghị nêu rõ những khó khăn, vướng mắc (nếu có) về cơ chế chính sách, về tổ chức thực hiện trong quá trình triển khai Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Về hình thức của Thông tư: Là Thông tư sửa đổi, bổ sung hay Thông tư thay thế Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

2. Về nội dung của Thông tư:

Đề nghị đề xuất, kiến nghị cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện chính sách, pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; trong đó tập trung một số nội dung (theo các tiêu chí nêu tại cột (4), (5) Mẫu số 01 kèm theo Đề cương này), cụ thể như sau:

- Đối tượng áp dụng.
- Tiêu chuẩn tài sản cố định.
- Phân loại tài sản cố định.
- Nguyên tắc quản lý tài sản cố định.

- Xác định nguyên giá, thay đổi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định.
- Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định.
- Thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định.
- Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập.
- Quy định về xử lý chuyển tiếp trường hợp có nội dung thay đổi nêu trên (về nguyên giá, giá trị, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn...).

3. Về tổ chức thực hiện

Đề nghị đề xuất các kiến nghị cụ thể với các cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được hiệu quả, đúng pháp luật./.

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 23/2023/TT-BTC NGÀY 25/4/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Đề cương Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC)

STT	Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp <i>(theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC)</i>	Phù hợp <i>(giữ như quy định hiện hành)</i>	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do	
1	2	3	4	5	6
1	Đối tượng áp dụng <i>(quy định tại Điều 2)</i>				
2	Tiêu chuẩn tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 3)</i>				
a)	Xác định là một tài sản <i>(quy định tại khoản 1 Điều 3)</i>				
b)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định <i>(quy định tại khoản 2 Điều 3)</i>				
c)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập <i>(quy định tại khoản 3 Điều 3)</i>				
3	Phân loại tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 4)</i>				
a)	Phân loại tài sản cố định theo tính chất, đặc điểm tài sản <i>(quy định tại khoản 1 Điều 4)</i>				
b)	Phân loại theo nguồn gốc hình thành tài sản <i>(quy định tại khoản 2 Điều 4)</i>				
4	Nguyên tắc quản lý tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 5)</i>				
5	Xác định nguyên giá, thay đổi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định				
a)	Xác định nguyên giá tài sản cố định				

STT	Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC)	Phù hợp (giữ như quy định hiện hành)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do	
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình (quy định tại Điều 6)				
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình (quy định tại Điều 7)				
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định đặc thù (quy định tại Điều 8)				
b)	Thay đổi nguyên giá tài sản cố định, xác định nguyên giá tài sản cố định trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản cố định (quy định tại Điều 9, Điều 10)				
c)	Xác định giá trị còn lại của tài sản cố định (quy định tại Điều 16)				
6	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định				
a)	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao (quy định tại Điều 11)				
b)	Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định (quy định tại Điều 12)				
7	Thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định				
a)	Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định (quy định tại Điều 13)				
b)	Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định (quy định tại Điều 14)				
8	Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập (quy định tại Điều 15)				
9	Quy định về xử lý chuyển tiếp trường hợp có nội dung thay đổi nêu trên (về nguyên giá, giá trị, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn...)				